

PHỔ CẬP GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ VÙNG DÂN TỘC KHMER ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

• PGS.TS. Đinh Lê Thư

Khoa Đông phương học

Tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa X nước CHXHCNVN (9-12-2000) đã nhất trí thông qua Nghị quyết về phổ cập giáo dục trung học cơ sở (PCGD THCS) trên phạm vi cả nước. Tiếp đó, Bộ Chính trị cũng ra Chỉ thị 61-CT/TƯ về việc thực hiện PCGD THCS nhằm nâng-cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH đất nước, coi đó là điều kiện cơ bản để phát triển con người, phát triển sản xuất, phát triển xã hội, đưa nước ta thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, theo kịp các nước tiên tiến trên thế giới.

1. Một số kết quả của PCTHCS trong thời gian qua

Tính đến tháng 8/2003, cả nước đã có 15 tỉnh, thành phố được công nhận hoàn thành PCGD THCS là Hà Nội (1999), Đà Nẵng (6-2001), Hải Phòng (10-2001), Hà Tây (10-2001), Nam Định (12-2001), Hải Dương (12-2001), Tuyên Quang (1-2002), Hưng Yên (-2002), Thái Bình (3-2002), Hà Nam (2002), TP. Hồ Chí Minh (12-2002), Bắc Ninh (12-2002), Vĩnh Phúc (2003), Hà Tĩnh (2003) và Ninh Bình (2003).

Các tỉnh đăng ký hoàn thành PCGD THCS trong năm 2003 là Bắc Giang, Phú Thọ, Hoà Bình, Bình Dương; năm 2004: Bình Định, Thái Nguyên, Thừa Thiên -Huế, Bà Rịa-Vũng Tàu; năm 2005: Quảng Bình, Đồng Nai, Cà Mau, Vĩnh Long, Bắc Cạn, Cần Thơ, Khánh Hoà, Quảng Trị, Quảng Ninh. Những tỉnh còn lại, trong đó có các tỉnh có đông đồng bào Khmer ở ĐBSCL, sẽ phấn đấu đạt chuẩn trong kế hoạch 2006-2010. Bộ GD - ĐT cùng Ban chỉ đạo Quốc gia đang tập trung chỉ đạo và tạo điều kiện cho các tỉnh có nhiều khó khăn để thực hiện được mục tiêu PCGD THCS. Tuy nhiên, chặng đường phía trước của việc PCGD THCS sẽ không ít gian nan. Làm thế nào để việc phổ cập đúng tiến độ mà vẫn đảm bảo chất lượng, không mang tính hình thức, tránh việc chạy theo thành tích đang là một thách thức và là một câu hỏi lớn đặt ra không chỉ riêng cho ngành GD, đặc biệt là đối với những vùng khó khăn, vùng dân tộc.

2. Những khó khăn và thách thức trong PCGD THCS vùng dân tộc Khmer

Ở vùng đồng bào Khmer, việc PCGD THCS cũng gặp những khó khăn như những vùng dân tộc khác như:

2.1 Khó khăn về kinh phí:

Mặc dù theo Đề án PCGD THCS thì kinh phí hoạt động hàng năm được Nhà nước đầu tư, phân bổ, nhưng trên thực tế, ở nhiều nơi, những người làm công tác phổ cập vẫn chưa được hưởng một chế độ, chính sách thỏa đáng nào và những người học chương trình PCGD THCS không được học miễn phí (khác với PC tiểu học, Chính phủ cấp kinh phí, HS được miễn phí). Đây là khó khăn lớn nhất với những địa phương kém phát triển về kinh tế, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người.

2.2 Khó khăn về CSVC, trường lớp còn rất thiếu thốn

Trong cả nước hiện nay còn phòng học tạm bợ, ở vùng đồng bào Khmer thì thường có tới 30% số trường THCS có CSVC tạm bợ. Một số địa phương vẫn còn tình trạng học 3 ca, thậm chí có nơi chưa có trường THCS. Đây là một trở ngại mà ngành GD đang cố gắng giải quyết trong những năm 2003-2005.

2.3 Khó khăn về số lượng giáo viên đáp ứng yêu cầu PCGD THCS.

Hiện nay, các tỉnh vùng đồng bào Khmer (đặc biệt là Kiên Giang) còn thiếu nhiều giáo viên THCS, THPT, nhất là GV các bộ môn ngoại ngữ, âm nhạc, vẽ, kỹ thuật, tin học, thể dục. Số lượng GV THCS đạt chuẩn còn thấp. Để PCGD THCS, ngoài số học sinh chính khoá, các địa phương còn phải mở rất nhiều lớp PCGD với số lượng người học trong diện phải PC rất đông, vì vậy càng thiếu giáo viên trầm trọng hơn. Trong khi đó, việc tuyển mới GV phải trải qua thi công chức khá ngặt nghèo. Trước thực trạng này, Bộ GD - ĐT đã có những văn bản chỉ đạo để giải quyết vấn đề GV (cho phép các tỉnh không thi tuyển đối với những vùng thiếu GV...), nhưng xem ra việc thực thi ở một số địa phương vẫn không thống nhất.

2.4 Ở vùng đồng bào Khmer, cùng một lúc phải triển khai cả 2 chương trình xoá mù chữ -PCGD tiểu học và PCGD THCS

Mặc dù cả nước đã tuyên bố hoàn thành PCGD tiểu học vào cuối năm 2000, nhưng hiện nay vẫn còn 18 huyện, 235 xã chưa đạt chuẩn quốc gia về XMC-PCGD tiểu học. Ở một số nơi vùng đồng bào Khmer, tuy đã được công nhận đạt chuẩn, nhưng thực tế tỉ lệ PCGD tiểu học còn rất thấp. Hiện nay, còn nhiều trẻ em 6 tuổi chưa được đi học lớp 1, ngoài ra, còn có nhiều trẻ em trong độ tuổi PCTHCS nhưng lưu ban, bỏ học. Như vậy, việc PCGD THCS hết sức khó khăn. Hệ thống tiêu chuẩn mà Bộ GD-ĐT qui định đều vượt quá khả năng và điều kiện đối với những nơi này.

2.5 Ngoài những khó khăn chung đã nêu ở phần trên, khó khăn lớn nhất trong việc PCGD THCS vùng đồng bào Khmer hiện nay là trình độ dân trí và tỉ lệ PCGD THCS hiện nay còn thấp.

Để triển khai kế hoạch thực hiện việc PCTHCS, các tỉnh đều tiến hành điều tra trình độ văn hoá những người trong độ tuổi phải PCTHCS (từ 11-18 tuổi). Ở những tỉnh

có đông đồng bào Khmer, kết quả điều tra cho thấy tỷ lệ phổ cập THCS hiện nay, đặc biệt là trong đồng bào Khmer, còn thấp so với nhiều địa phương khác. Điều này có thể thấy rõ trên số liệu điều tra của Sở GD-ĐT tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh được dẫn ra dưới đây:

a) Thực trạng trình độ văn hóa của những người từ 11-18 tuổi tại tỉnh Sóc Trăng

Theo số liệu điều tra chung cho toàn tỉnh của Sở GD-ĐT Sóc Trăng vào tháng 8/2001 :

- Tổng số đối tượng 11-18 tuổi trong tỉnh ở thời điểm điều tra là 239.636 người, trong đó nữ 117.775 người; dân tộc Khmer: 73.165 người.

- Tổng số đối tượng phải PCTHCS: 239.393 người (99,89% so với số dân trong độ tuổi). Trong đó số bỏ học và chưa đi học: 94.393 người (39,48%), gồm 40.180 người từ 11-15 tuổi và 54.213 người từ 16-18 tuổi.

- Tổng số đối tượng từ 15-18 tuổi trong tỉnh vào thời điểm điều tra là 117.170 người, trong đó tốt nghiệp PTCS: 20.802 người, tỷ lệ 17,75% (chưa kể số người sẽ tốt nghiệp THCS năm 2002). Nếu tính cả kỳ thi tốt nghiệp 2002 (dự kiến đỗ 12.641 em), sẽ có 33.443 người tốt nghiệp THCS /117.170 người. Như vậy, toàn tỉnh mới đạt PCTHCS: 28,54%.

Hầu hết các huyện tỷ lệ đạt chuẩn PCGD THCS còn rất thấp. Tính đến tháng 8/2001, có 62/ 98 xã, phường của tỉnh Sóc Trăng chỉ đạt tỉ lệ PCGD THCS dưới 20%, trong đó có 15 xã, phường có dưới 10% số người từ 15-18 tuổi được PCGD THCS. Đặc biệt là những xã đông người Khmer ở huyện Vĩnh Châu và Thạnh Trị, có tỉ lệ người trong độ tuổi đã phổ cập giáo dục THCS vô cùng thấp (Ở Vĩnh Châu, có 6/10 xã có tỉ lệ PCGD THCS dưới 10% số dân trong độ tuổi; ở Thạnh Trị có 12/14 xã dưới 20%).

Tháng 1/2003, chúng tôi đã tiến hành điều tra trình độ văn hoá của những người Khmer từ 11 tuổi đến 35 tuổi ở xã Đại Tâm (200 hộ với 1116 nhân khẩu), xã Thạnh Phú (200 hộ, 1243 nhân khẩu) và tại phường 5 thị xã Sóc Trăng (280 hộ, 1700 nhân khẩu). Kết quả điều tra về trình độ văn hoá của những người Khmer từ 15-18 tuổi được trình bày trong các bảng dưới đây:

Bảng 1. Tình hình PCGD THCS ở độ tuổi 15-18 người Khmer ở Sóc Trăng

Xã, Phường	Số 15-18 tuổi	Đang học		Đã nghỉ học		Chưa đi học		TN tiểu học		TN. THCS	
		Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Phường 5	250	92	36,8	147	58,8	11	4,4	114	45,6	23	9,2
Đại Tâm	144	34	23,6	101	70,1	9	6,2	50	34,7	19	13,2
Thạnh Phú	159	78	49,0	70	44,0	9	5,6	55	34,6	42	26,4

Nếu so sánh số liệu điều tra của chúng tôi và số liệu điều tra chung của Sở GD-ĐT Sóc Trăng thì tỷ lệ phổ cập trung học cơ sở của những người Khmer trong độ tuổi 15-18 vào 1/2003 mà chúng tôi thu được (từ 9,2% - 26,4%) thấp hơn rất nhiều so với tỷ lệ PCGD THCS trung bình chung trong toàn tỉnh (28,54%) vào thời điểm 8/2001. Đặc biệt, tỉ lệ PCGD THCS của người Khmer trong độ tuổi từ 15-18 ở phường 5 TX. Sóc Trăng rất thấp so với tỉ lệ chung toàn thị xã (tỉ lệ 9,2% trong người Khmer so với 44% chung). Điều này có thể giải thích được vì số người Khmer không có đất sản xuất ở phường 5 rất cao, nhiều người từ các vùng quê đến, phần đông phải đi làm mướn kiếm sống nên chưa có điều kiện học hành. Đó là chưa kể trong số những người Khmer từ 15-18 tuổi được điều tra, có một số chưa bao giờ đi học (mù chữ), hoặc chưa tốt nghiệp tiểu học, và một số đông đã bỏ học. Xã Thạnh Phú có đông đồng bào Khmer, nhưng trong xã có trường tiểu học, trường THCS và đặc biệt là có cả trường THPT nên tỉ lệ PCGD THCS tương đối cao.

b) Thực trạng trình độ văn hóa của những người từ 15-18 tuổi tại tỉnh Trà Vinh

Theo số liệu điều tra chung cả tỉnh của Sở GD-ĐT Trà Vinh, tỷ lệ PCGD THCS tính đến cuối năm 2001, trong độ tuổi từ 15-18 tuổi, chỉ đạt 26.7%, trong lúc đó có đến 47.094 em trong độ tuổi đã nghỉ học. Tỷ lệ này khác nhau ở mỗi địa phương. Các huyện có đông người Khmer và huyện vùng sâu, vùng xa có tỉ lệ tốt nghiệp THCS thấp hơn nhiều so với các vùng khác. Huyện Trà Cú là huyện có đông người Khmer, tỉ lệ tốt nghiệp THCS trong độ tuổi chỉ đạt 14,21%, thấp nhất toàn tỉnh.

Theo kết quả khảo sát của Ban Khoa giáo TW về tình hình giáo dục ở một số vùng Đông Bắc, Tây Bắc, duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và ĐBSCL đưa ra trong hội thảo "Phát triển giáo dục ở một số vùng khó khăn", tổ chức vào ngày 30/10/2003 thì đến cuối năm học 2002-2003, cả tỉnh Trà Vinh chỉ có 2/96 xã, phường được công nhận đạt chuẩn PCTHCS, mới đạt hơn 2%. (Tin VietnamNet 31/10/2003).

Còn ở Kiên Giang, tình hình cũng không khả quan hơn. Theo báo cáo của Sở GD-ĐT tỉnh Kiên Giang thì so với năm 1999 (năm tỉnh đạt chuẩn quốc gia về XMC và PCGD TH) thì nay số người biết chữ đã tăng lên 94,10%, nhưng *đồng bào Khmer biết chữ chỉ đạt tỷ lệ 51%*.

2.6 Một khó khăn nữa là việc huy động trẻ đến trường đúng độ tuổi, duy trì sĩ số học sinh, và nâng cao hiệu quả giáo dục - đào tạo vùng đồng bào Khmer còn nhiều bất cập.

Hiện nay, việc huy động trẻ đến trường hằng năm đều tăng nhưng tỉ lệ số người được đi học trong vùng dân tộc Khmer so với mặt bằng chung trong khu vực vẫn còn rất thấp (chỉ đạt trên 17%). Tỉ lệ học sinh dân tộc Khmer càng lên các cấp học cao hơn càng mất cân đối. Việc duy trì sĩ số học sinh gặp khó khăn, số đầu vào khá ổn định, nhưng số đầu ra lại giảm mạnh do tỉ lệ bỏ học và lưu ban vẫn còn cao. Ví dụ ở Trà Vinh, tính ở cả 3 cấp học, số lượng học sinh cuối năm học 2002-2003 giảm so với số đầu năm học là 8.247 em (3,63%), trong đó bậc tiểu học giảm 2.521 em (2,40%), bậc THCS giảm 4.620 em (6,05%), THPT giảm 1820 em (6,60%). Như vậy, càng học lên cao, tỉ lệ bỏ học

càng nhiều. Trong năm học 2002-2003, số học sinh Khmer bỏ học trong toàn tỉnh là 2.518 em. Việc chỉ đạo duy trì sĩ số học sinh dân tộc thiểu số ở các cấp học chưa được quan tâm đúng mức nên hiệu quả đào tạo chưa cao. Điều này thể hiện rõ trên tỉ lệ học sinh Khmer còn lại ở lớp cuối cấp so với số học sinh vào học ở lớp đầu cấp.

Bảng 2: Hiệu quả đào tạo học sinh Khmer ở bậc tiểu học và trung học cơ sở ở huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (tính đến 6/2001)

(Nguồn: Số liệu do Phòng GD-ĐT huyện Trà Cú cung cấp tháng 1/2002)

Lớp	1996-1997		1997-1998		1998-1999		2000-2001		2001-2002	
	Chung	Khmer	Chung	Khmer	Chung	Khmer	Chung	Khmer	Chung	Khmer
L. 1	6406	4225	5629	3735						
L. 5							3771	2258	3749	2349
L. 6			1841	907	3267	1951				
L. 9							1047	500	1564	834
Tỉ lệ HS lớp 5 còn lại							55,8%	53,4%	66,6%	62,8%
Tỉ lệ HS lớp 9 còn lại							56,8%	55,1%	47,8%	42,7%

Số liệu bảng trên cho thấy, hiệu quả đào tạo học sinh dân tộc hiện nay của huyện Trà Cú chỉ đạt trung bình khoảng 58% ở bậc tiểu học và khoảng 52% ở bậc THCS. Như vậy, số em học dở dang cấp I và cấp II chiếm gần 50% trẻ em trong độ tuổi. Cần phải huy động đối tượng này tiếp tục đến lớp để phổ cập tiểu học và PCGD THCS. Tình hình nói trên ở huyện Trà Cú không phải là cá biệt, mà là tình trạng phổ biến ở vùng đồng bào Khmer Nam Bộ.

Cũng giống như ở Trà Vinh và Sóc Trăng, ở Kiên Giang số lượng học sinh Khmer hàng năm đều tăng nhưng nhìn chung tỉ lệ huy động con em Khmer chỉ đạt yêu cầu ở bậc tiểu học, còn ở các bậc học khác tỉ lệ này rất thấp, nhất là ngành học mầm non. Ở bậc tiểu học và THCS: Trong năm học 2001 - 2002 số học sinh Khmer được huy động là 30.832 em tăng gấp đôi so với mười năm trước (năm học 1991-1992). Tính chung toàn tỉnh, trẻ từ 6 - 14 tuổi huy động ra lớp đạt 93,05% nhưng *trẻ Khmer chỉ đạt 66,95%*. Tỉ lệ huy động trẻ em dân tộc đi học đúng độ tuổi của tỉnh Kiên Giang đạt kết quả như sau:

Khối 1: 12,84%, khối 2: 11,60%, khối 3: 12,75%, khối 4: 12,73%, khối 5: 12,61%.

Tỉ lệ học sinh Khmer tốt nghiệp tiểu học vào học lớp 6 trong năm học 2001- 2002 ở Kiên Giang là 73,99%.

Nguyên nhân chính là do phần đông đồng bào Khmer còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế gia đình, chưa quan tâm đúng mức đến việc học hành của con cái, đặc biệt là ở bậc học mầm non. Học sinh Khmer ở độ tuổi THCS, THPT là lao động chính của gia đình nên thường phải bỏ học để mưu sinh. Mặt khác do khả năng giao tiếp ngôn ngữ có hạn, học sinh dân tộc Khmer sau khi tốt nghiệp tiểu học chất lượng bộ môn Văn -Tiếng Việt rất thấp nên việc tiếp tục học lên có khó khăn. Đây chính là vấn đề cần có biện

pháp tích cực, phù hợp hơn trong giai đoạn tới.

2.7 Một điều nan giải là đa số những người Khmer trong diện cần PCGD THCS (mà chúng tôi có dịp phỏng vấn) không có điều kiện hoặc không có ý muốn tiếp tục học tập để đạt trình độ PCGD THCS.

Theo số liệu điều tra của chúng tôi tại 3 xã Hàm Giang, Thanh Sơn và Tân Hiệp, huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh vào tháng 8/2003 trong số những người Khmer từ 15-18 tuổi được hỏi một cách ngẫu nhiên (thường là những thanh niên giao tiếp tiếng Việt tốt) thì chỉ có 35,3% đã PCGD THCS và 14,7% tốt nghiệp THPT. Những người còn lại (50%) chưa PCGD THCS (trong đó có 11,8% chưa tốt nghiệp cấp I). Phỏng vấn 296 người Khmer từ 15 tuổi trở lên thì có 96,5% số người trả lời là không đi học các lớp PCGD tiểu học và PCGD THCS. Hỏi về lý do tại sao không đi học thì 67,1 % trả lời do bận đi làm, 19% trả lời do địa phương không tổ chức lớp. Hỏi về kế hoạch học tập của họ cho đến năm 2010 thì 44,3% không muốn học tiếp và 29,1% không có điều kiện học tiếp (tổng cộng sẽ không học tiếp để PCGD THCS là 73%). Như vậy, việc tuyên truyền, vận động các đối tượng từ 15 tuổi trở lên ra lớp PCGD THCS là một việc làm vô cùng khó khăn đối với ngành GD địa phương vùng dân tộc Khmer.

3. Các giải pháp thực hiện phổ cập THCS

Để đạt được các mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở theo Nghị quyết 41/2000/QH10 của Quốc hội, đối với các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc, đặc biệt là các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, Nhà nước đã có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục. Từ năm 1991 đến nay, Nhà nước đã bố trí kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu giáo dục - đào tạo, trong đó có Chương trình VII dành riêng cho miền núi, mà một nội dung quan trọng là tập trung đầu tư xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú, các trường bán trú cụm xã. Tuy nhiên, cho đến nay ở một số địa phương vẫn chưa đủ cơ sở vật chất trường lớp cho học sinh vùng sâu, vùng xa học tập. Để giải quyết vấn đề này, Bộ GD-ĐT tạo phối hợp với các Bộ ngành tích cực chỉ đạo triển khai Đề án kiên cố hóa trường, lớp học đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định 159/2002/QĐ-TTq ngày 15/11/2002; quan tâm chỉ đạo xây dựng xây dựng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú cụm xã để tạo điều kiện cho học sinh đến trường. Bộ GD-ĐT cũng sẽ tranh thủ các nguồn viện trợ nước ngoài để triển khai dự án phát triển giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Để thực hiện các mục tiêu PCGD THCS, nhà nước đã có chính sách hỗ trợ cho các đối tượng thuộc diện khó khăn và đặc biệt khó khăn. Cụ thể:

- Miễn giảm học phí và các khoản đóng góp khác
- Cấp sách giáo khoa và học phẩm cho học sinh ở các xã có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn
- Tạo điều kiện để các học sinh có hoàn cảnh kinh tế khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn học chương trình bổ túc THCS.

Từ năm 2002 đến nay, trong chương trình mục tiêu quốc gia về GD-ĐT đã dành kinh phí cho việc củng cố kết quả PCGD tiểu học-chống mù chữ và thực hiện PCGD THCS. Nguồn kinh phí này đã được bố trí và phân bổ cho từng tỉnh, thành trong cả nước. Trong đó có một phần kinh phí hỗ trợ cho người học và người làm công tác phổ cập.

Từ nay đến năm 2010, việc thực hiện PCGD THCS là một nhiệm vụ trọng tâm của ngành GD-ĐT và các địa phương. Để thực hiện được nhiệm vụ này, cần phải:

- Tiếp tục củng cố kết quả xoá mù chữ và phổ cập GD tiểu học, từng bước nâng cao chất lượng PCGD tiểu học.

- Tuyên truyền vận động, giáo dục để các cấp chính quyền, các ngành liên quan, các gia đình và mỗi cá nhân coi PCGD THCS là nhiệm vụ của mình.

- Tổ chức, vận động học sinh đi học đúng độ tuổi.

- Phát triển mạng lưới trường THCS ở các địa bàn xã, phường. Đến năm 2005 bảo đảm mỗi xã, phường đều có trường THCS. Tăng số lượng học sinh bán công, dân lập ở các thành phố, thị xã, vùng kinh tế phát triển. Đa dạng hoá các loại hình trường, tạo điều kiện cho mọi đối tượng trong xã hội đạt trình độ học vấn THCS.

- Nhà nước tập trung hỗ trợ các địa phương có khó khăn, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc để hoàn thành tiêu chuẩn phổ cập THCS đúng thời hạn.

- Tập trung nguồn lực phát triển đội ngũ giáo viên THCS cho những vùng thiếu giáo viên, đặc biệt cho các tỉnh còn khó khăn.

Ngoài những giải pháp chung nói trên, đối với vùng đồng bào Khmer, căn cứ trên tình hình PCGD THCS hiện nay, chúng tôi xin nhấn mạnh và bổ sung một số giải pháp và biện pháp cụ thể sau đây nhằm thực hiện việc PCGD THCS đúng thời hạn.

3.1 Huy động trẻ đến trường đúng độ tuổi, duy trì sĩ số học sinh, giảm tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo ở bậc tiểu học và THCS, đặc biệt đối với học sinh người Khmer.

Khó khăn lớn nhất đối với học sinh Khmer ở bậc tiểu học và THCS là rào cản về ngôn ngữ. Vì vậy, cần đầu tư cải tiến phương pháp, nội dung, chương trình học tiếng Việt cho học sinh dân tộc Khmer ở bậc tiểu học và THCS nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả học các môn học trong chương trình. Bên cạnh đó, việc học chữ Khmer chỉ nên bắt đầu sớm nhất vào lớp 3, và cần có chương trình, sách giáo khoa mới, và cải tiến cách dạy chữ Khmer sao cho có hiệu quả, tránh quá tải đối với học sinh.

Vận động và yêu cầu cán bộ, giáo viên công tác ở vùng có đông đồng bào Khmer sinh sống phải học để biết và sử dụng tốt tiếng Khmer. Bố trí giáo viên thông thạo tiếng dân tộc dạy ở bậc tiểu học và những lớp đầu bậc THCS đối với những lớp có đông học sinh người dân tộc. Có mức lương khuyến khích đối với giáo viên vùng dân tộc có khả năng giảng dạy song ngữ.

Tìm biện pháp thích hợp để giúp đỡ những học sinh học kém, những học sinh có hoàn cảnh khó khăn để giảm tỉ lệ lưu ban, bỏ học.

3.2 Điều tra, nắm vững đối tượng cần phổ cập THCS, tuyên truyền vận động các em trong độ tuổi PCGD THCS đã bỏ học trở lại trường, hoặc học bổ túc văn hoá, giúp đỡ để các em vượt khó khăn, hoàn thành chương trình THCS.

Cần điều tra định kỳ để cập nhật thật chính xác số lượng trẻ em trong độ tuổi cần PCGD THCS, đặc biệt ở những địa bàn dân cư phân tán, các xã vùng sâu, vùng xa để có kế hoạch theo dõi, đôn đốc các em đến trường lớp phổ thông hoặc BT VH, phổ cập THCS.

Cần có cơ chế phối hợp giữa ngành GD-ĐT với cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội, các lực lượng xã hội, đặc biệt là coi trọng vai trò của nhà chùa và các tu sĩ Phật giáo Khmer trong việc tuyên truyền, vận động trẻ em Khmer trong độ tuổi ra lớp phổ cập THCS.

Đa số các em bỏ học do có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, phải làm việc phụ giúp gia đình. Vì vậy, bên cạnh tuyên truyền vận động, chính quyền địa phương cần có biện pháp giúp đỡ thiết thực từ các chương trình xoá đói giảm nghèo, cho vay vốn, cấp đất, giải quyết việc làm, hướng dẫn kỹ thuật v.v. nhằm giúp gia đình các em vượt nghèo để các em có điều kiện trở lại trường học tập.

3.3 Rút ngắn thời gian đào tạo, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng học tập, nhằm PCGD THCS đúng độ tuổi, đúng thời hạn.

Để giảm bớt tỉ lệ học sinh quá tuổi nhưng chưa có bằng THCS, cần vận động chuyển các em học sinh (trong đó phần lớn là học sinh Khmer) từ 15-18 tuổi hiện vẫn đang học các trường phổ thông tự nguyện chuyển sang học hệ bổ túc để rút ngắn thời gian học (bởi chỉ học 7 môn trong chương trình). Những em này sau khi tốt nghiệp lớp 9 vẫn được quyền thi vào các trường PTTH trong tỉnh và nếu đủ điều kiện vẫn được nhận vào lớp 10 như bình thường (điều này được Bộ GD-ĐT cho phép).

Để đảm bảo chất lượng giảng dạy, các Sở GD-ĐT cần bố trí những giáo viên có kinh nghiệm dạy các lớp này theo sách giáo khoa phổ thông, cải tiến phương pháp giảng dạy và tăng cường khâu kiểm tra trình độ học sinh.

3.4. Ngoài việc quan tâm đầu tư cho các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) tỉnh, huyện, Trung ương và địa phương cần đầu tư cho các trường nội trú, bán trú dân nuôi, các trung tâm học tập cộng đồng tại các xã nhằm đa dạng hoá các loại hình trường lớp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc PCGD THCS ở các địa phương.

Ở vùng đồng bào Khmer, ngoài các trường PTDTNT dành cho học sinh dân tộc mà số lượng học sinh rất hạn chế, ngành GD-ĐT cần phối hợp với tổ chức Phật giáo Khmer tại địa phương để mở thêm hệ thống các trường nội trú, bán trú dân nuôi cho đối tượng là học sinh dân tộc Khmer tại một số trung tâm cụm xã. Cơ sở vật chất, trường lớp do nhà nước trung ương và địa phương đầu tư xây dựng. Học sinh Khmer có thể tá túc trong các chùa gần trường (nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng ký túc xá trong chùa) và phụ

huynh học sinh đóng góp cho nhà chùa để góp phần nuôi con em của mình.

Thành lập ở mỗi xã một Trung tâm học tập cộng đồng, giao cho UBND xã phối hợp với Ban Giám hiệu các trường THCS và THPT (nếu có) trên địa bàn xã quản lý. Trung tâm học tập cộng đồng có trách nhiệm mở các lớp phổ cập tiểu học, bổ túc văn hoá phổ cập THCS và THPT, dạy nghề ngắn hạn... cho thanh thiếu niên và người lớn tại địa phương. Ở các xã có đông đồng bào Khmer, Trung tâm học tập cộng đồng có thể đặt trụ sở ở một chùa Khmer có vị trí thuận lợi và có điều kiện về cơ sở vật chất tốt.

3.5 Thu hút giáo viên đến vùng khó, ký hợp đồng với các giáo viên về hưu còn sức khỏe, các giáo sinh mới ra trường chưa có công việc để tăng thêm đội ngũ, giải quyết đủ giáo viên dạy các lớp bổ túc văn hoá (do số lượng đối tượng cần phổ cập THCS quá đông).

Cần tổ chức đoàn giáo viên tình nguyện có trình độ cao đẳng và đại học làm công tác PCGD THCS ở những địa bàn khó khăn chưa có trường THCS. Các giáo viên tình nguyện luân phiên làm việc, mỗi người trong vòng 2-3 năm, được hưởng các chế độ ưu đãi của địa phương về lương, phụ cấp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, về đào tạo chuyên môn, tập huấn giảng dạy theo chương trình, sách giáo khoa mới. Sau khi kết thúc chương trình, các giáo viên chưa vào biên chế sẽ được tuyển vào biên chế.

Ở các vùng thiếu giáo viên dạy các lớp bổ túc văn hoá, phổ cập THCS, có thể ký hợp đồng với giáo viên về hưu còn sức khỏe, hoặc giáo sinh mới ra trường chưa có công việc để có đủ giáo viên, ưu tiên các giáo viên người dân tộc Khmer.

Như vậy, để thực hiện được mục tiêu phổ cập giáo dục THCS ở các tỉnh có đông đồng bào Khmer như Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang... không những cần sự đầu tư của Nhà nước về tài chính, về cán bộ, giáo viên, có chính sách ưu tiên và biện pháp quản lý chặt chẽ, mà còn cần có những giải pháp thích hợp, và huy động sự đóng góp của tất cả các tổ chức xã hội, tổ chức quần chúng và của người dân, trong đó cần đặc biệt coi trọng việc phát huy nội lực của đồng bào và sư sãi Khmer.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục THCS tỉnh Sóc Trăng, *Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục THCS giai đoạn 2002-2005*, Sóc Trăng, ngày 20/8/2002.
2. Ban chỉ đạo PC GD THCS tỉnh Trà Vinh, *Kế hoạch phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2001 đến 2010*. Trà Vinh, ngày 25/8/2002.
3. Nguyễn Ánh Tuyết, 2002, *Phổ cập giáo dục THCS- Thời cơ, thách thức và triển vọng*, Trong Chiến lược phát triển giáo dục trong thế kỷ XXI, Kinh nghiệm các quốc gia, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Phạm Thị Kim Anh, 2003, *Phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở VN, thực trạng và thách thức*, T/c Phát triển Giáo dục, số 2, tháng 2..
5. Sở GD-ĐT Trà Vinh, Báo cáo "Về việc thực hiện nghị quyết TW2 (khóa VIII), Kết luận Hội nghị TW6 (khóa IX) và Chỉ thị Nghị quyết của Đảng về giáo dục- đào tạo", Trà Vinh ngày 7/4/2003.
6. Sở GD-ĐT Trà Vinh, Báo cáo năm học 2002-2003, Giáo dục dân tộc. Trà Vinh, ngày 13/8/2003.
7. Sở GD-ĐT tỉnh Sóc Trăng, *Kế hoạch phát triển giáo dục vùng dân tộc Khmer năm học 2002-2003*, Sóc Trăng ngày 29/7/2002.